

Số: 2787485

|                                            | NEW PEUGEOT 3008 PREMIUM     | Kia Sportage 1.6 Turbo Signature (X-Line) |
|--------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 1.019.000.000đ               | 999.000.000đ                              |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                              |                                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4510 x 1850 x 1662           | 4660 x 1865 x 1700                        |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2730                         | 2755                                      |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5200                         | 5890                                      |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 165                          | 190                                       |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1480                         | 1660                                      |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1930                         | 2110                                      |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                          | 543                                       |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 53                           | 54                                        |
| Số chỗ ngồi                                | 5                            | 5                                         |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước                          |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                              |                                           |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM                       | Efficient Modular Platform   |                                           |
| Loại động cơ                               | 1.6L Turbo High Pressure     | Xăng 1.6 Turbo                            |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1599                         | 1598                                      |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 165 @ 6000                   | 178 / 5500                                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 245 @ 1400-4000              | 265 / 1500-4500                           |
| Hộp số                                     | 6AT                          | 7DCT                                      |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)              | 2 cầu (AWD)                               |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson           | Mc Pherson                                |
| Hệ thống treo sau                          | Bán độc lập                  | Liên kết đa điểm                          |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                          | Đĩa                                       |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                          | Đĩa                                       |
| Thông số lốp xe                            | 225/55 R18 (Los Angeles)     | 235/55 R19                                |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9,44                         | 9.36                                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5,41                         | 6.87                                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6,84                         | 7.79                                      |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport/Manual          | Normal / Eco / Sport / Smart              |
| Chế độ địa hình                            | Normal/Snow/Mud/Sand/ESP Off |                                           |
| NGOẠI THẤT:                                |                              |                                           |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                | LED Projector                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                            | ●                                         |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                            |                                           |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                | ●                            |                                           |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                            | ●                                         |
| Cụm đèn sau                                | LED                          | LED                                       |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                            | ●                                         |
| Gạt mưa tự động                            | ●                            | ●                                         |
| Cửa sổ trời                                | ●                            | ●                                         |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                              |                                           |
| Vô lăng bọc da                             | ●                            | ●                                         |
| Chất liệu ghế                              | Da                           | Da                                        |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                            | ●                                         |

|                                         |                            |                                            |
|-----------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện    | ●                          | ●                                          |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                  | ●                          | ●                                          |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin           | 12.3 Inch                  | Full-LCD 12.3"                             |
| Màn hình giải trí trung tâm             | 10 Inch                    | AVN 12.3"                                  |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto      | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống điều hòa tự động               | ●                          | ●                                          |
| Số vùng khí hậu điều hòa                | 2                          | 2                                          |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                | ●                          | ●                                          |
| Chìa khóa thông minh                    | ●                          | ●                                          |
| Khởi động nút bấm                       | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống âm thanh                       | 6 loa                      | 8 loa                                      |
| Lấy chuyển số                           | ●                          | ●                                          |
| Sạc không dây Qi                        | ●                          | ●                                          |
| Phanh đỗ điện tử                        | ●                          | ●                                          |
| Đèn trang trí nội thất                  | ●                          | ●                                          |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX              | ●                          | ●                                          |
| <b>AN TOÀN:</b>                         |                            |                                            |
| Số túi khí                              | 6                          | 6                                          |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                          | ●                                          |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●                          | ●                                          |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau                | Trước & Sau                                |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●                          | ●(hỗ trợ tránh va chạm + hiển thị điểm mù) |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường        | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường           | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                          | ●                                          |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                          | ●                                          |
| Camera lùi                              | Camera 360 độ + (Ghi hình) | ●(Tích hợp camera 360)                     |
| Khác                                    | Hỗ trợ đỗ xe tự động       |                                            |